

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2025/DS-ST

Ngày: 26-9-2025

V/v: Tranh chấp bồi thường
thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.
2. Ông Nguyễn Thành Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên Tòa:
Bà Huỳnh Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025, về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Tuyết N, sinh ngày 01/10/1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Q, sinh ngày 01/01/1976 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm M, phường M, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Khuru Thị Tú X (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường số F, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Châu Văn Đ, sinh ngày 01/01/1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Tuyết N trình bày: Khoảng 16 giờ ngày 04/6/2025, ông Q cho máy bay xịt thuốc lúa đã lan qua ruộng năng của bà gây thiệt hại số năng trồng trên phần đất 2.000m² làm chết khoảng 70% năng trồng được khoảng 50 ngày tuổi, thiệt hại giá trị tài sản tổng số tiền 7.435.000 đồng. Bà yêu cầu bồi thường nhưng ông Q không đồng ý, do không thỏa thuận được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q bồi thường thiệt hại số tiền 7.435.000 đồng. Tại phiên tòa bà thay đổi số tiền yêu cầu ông Q bồi thường thiệt hại là 2.000.000 đồng.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Văn Q trình bày: Vào ngày 04/6/2025, ông có cho máy bay xịt thuốc trên phần đất lúa thuộc thửa đất số 254 và 256, tọa lạc ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng giáp ruộng năng của bà N. Trong quá trình máy bay phun thuốc có lan qua ruộng năng của bà N khoảng 05m, vài ngày sau thì năng có vàng lá nhưng vẫn phát triển tốt chứ không gây chết năng như bà N trình bày. Ngoài ra thời điểm ông phun thuốc thì cây năng của bà N mới khoảng 26 ngày, bởi khi bên ông làm đất xạ lúa thì bên ruộng năng của bà N cũng mới cấy. Sau khi sự việc xảy ra ông có tìm hiểu thông tin chi phí đầu tư trồng năng được khoảng 26 ngày tuổi là khoảng 1.000.000 đồng/công và ông đã đồng ý khắc phục lại bằng cách phun thuốc dưỡng, bón phân nhưng bà N không đồng ý. Sau đó tính trên chi phí đầu tư thì ông cũng đồng ý hỗ trợ số tiền 900.000 đồng nhưng bên bà N vẫn không đồng ý, cứ buộc ông phải chi trả toàn bộ chi phí để làm đất nhằm cấy năng lại. Ông không đồng ý với yêu cầu của bà N, giữ nguyên ý kiến hỗ trợ cho bà N số tiền 900.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Văn Đ và bà Khuru Thị Tú X vắng mặt, quá trình giải quyết không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ phát biểu ý kiến: Thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định của pháp luật. Về nội dung thấy rằng tại phiên tòa bà N thay đổi yêu cầu về số tiền bồi thường, bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn mà chỉ đồng ý hỗ trợ số tiền 900.000 đồng. Xét bà N khởi kiện nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh thiệt hại, ông Q thừa nhận khi máy bay phun thuốc trên ruộng lúa của ông có bị lan qua ruộng năng bà N một phần và đồng ý hỗ trợ số tiền 900.000 đồng. Do bà N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thiệt hại nên căn cứ lời thừa nhận của ông Q, buộc ông Q có

nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đã gây ra là 900.000 đồng. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do phun thuốc gây chết năng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 589 Bộ luật dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nay là phường M, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Văn Đ và bà Khru Thị Tú X vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự trên.

[2] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền yêu cầu bồi thường, cụ thể số tiền yêu cầu bồi thường theo đơn khởi kiện là 7.435.000 đồng giảm còn 2.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Theo kết quả xem xét, thẩm định phần đất trồng năng tọa lạc ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ) có 02 cạnh giáp đất lúa của ông Q. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Q thừa nhận có sử dụng máy bay phun 03 chai Bup VFC cho phần đất lúa giáp ranh ruộng năng vào ngày 04/6/2025, trong quá trình máy bay phun thuốc có lan qua ruộng năng của bà N khoảng 05m tính từ bờ đất đo vào ruộng năng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định lời thừa nhận của ông Q là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Tuy nhiên ông Q không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà N1 do khi sự việc xảy ra ông có đề nghị sử dụng thuốc, phân bón để chăm sóc và dưỡng lại cây nhưng bà N không đồng ý.

[4] Theo trình bày của bà N sau sự cố ngày 04/6/2025 thì bà không tiếp tục chăm sóc cho năng theo chu kỳ phải thực hiện, đến khoảng ngày 26/7/2025 thì ruộng năng bắt đầu cho thu hoạch đã cho thấy cây năng vẫn phát triển nên chứng minh được việc phun thuốc bị lan không phải toàn bộ ruộng cây năng, do đó việc bà N yêu cầu phá bỏ để cấy lại cây năng là không hợp lý. Đề nghị của ông Q về việc sử dụng thuốc và phân bón chăm sóc cây năng là phù hợp, việc bà N bỏ mặc không chăm sóc cây năng là thuộc trường hợp không áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn

chế thiệt hại cho chính mình theo quy định tại khoản 5 Điều 585 Bộ luật dân sự. Đồng thời việc cho rằng ruộng năng giảm sản lượng do bị ảnh hưởng từ việc phun thuốc của ông Q cũng chưa có cơ sở chứng minh. Tuy nhiên ông Q thừa nhận việc phun thuốc bị lan qua ruộng năng gây vàng lá một phần là có thật và đồng ý chi trả chi phí khắc phục 900.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc ông Q bồi thường là có cơ sở. Đối với số tiền yêu cầu còn lại, qua phân tích không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí và chi phí thẩm định đối với yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng đối với nghĩa vụ phải thực hiện.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Khoản 4 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của bà Trần Tuyết N.

Buộc ông Bùi Văn Q có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Trần Tuyết N số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Tuyết N về yêu cầu ông Bùi Văn Q bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 1.100.000 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Tuyết N cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Văn Q còn phải trả cho bà Trần Tuyết N số tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Chi phí tố tụng: Ông Bùi Văn Q và bà Trần Tuyết N mỗi người phải chịu 50% chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), bà N đã thực hiện xong. Số tiền ông Q nộp được hoàn trả cho bà Trần Tuyết N.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn Q và bà Trần Tuyết N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Trần Tuyết N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001956 ngày 18/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc

Trắng.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai